

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM - ST  
Ngày: 22/8/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST - KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐHPT- KDTM ngày 11/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 11/3/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/QĐTNPT ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số 89 L , phường L , quận Đ , Thành Phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A . Vắng mặt

Chức vụ: PGĐ Trung tâm xử lý nợ pháp lý ngân hàng Vpbank

Người đại diện theo ủy quyền lại:

Ông Trịnh Trung B - Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt

**- Bị đơn:** Công ty TNHH Thương mại BT.

Địa chỉ: Khu 1 thị trấn L, huyện T, T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Duy B- Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 1 thị trấn L, huyện T, tỉnh T

2. Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 2B/158/2 H, phường K, quận T, Thành Phố H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trịnh Trung B trình bày:

Công ty TNHH Thương mại BT vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) số tiền 14.624.359.400đ(Mười bốn tỷ sáu trăm hai tư triệu ba trăm năm chín nghìn bốn trăm đồng) theo các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ sau:

1. Nội dung Hợp đồng cho vay hạn mức số THA/19092 ngày 15/11/2019 chi tiết cụ thể như sau:

\* Khế ước nhận nợ lần 1 số: THA/19092- 01 ngày 15/11/2019:

+ Số tiền nhận nợ 3.000.000.000đ(Ba tỷ đồng);

+ Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 15/11/2019 đến ngày 15/11/2020;

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/12/2019, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 250.000.000đ.

- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2019

+ Lãi suất cho vay: 16,4%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/12/2019.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.

\* Khế ước nhận nợ lần 2 số: THA/19092- 02 ngày 16/12/2019:

+ Số tiền nhận nợ 250.000.000đ(Hai trăm năm mươi triệu đồng);

+ Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 16/12/2019 đến ngày 16/12/2020;

- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:
  - Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/01/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 21.000.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 19.000.000đ.
  - Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/01/2020
- + Lãi suất cho vay: 14,4%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 6,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/01/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 3 số: THA/19092- 03 ngày 15/01/2020:
- + Số tiền nhận nợ 271.000.000đ(Hai trăm bảy mươi một triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/01/2021;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:
  - Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/02/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 23.000.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 18.000.000đ.
  - Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/02/2020
- + Lãi suất cho vay: 14,4%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 6,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/02/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 4 số: THA/19092- 04 ngày 12/02/2020:
- + Số tiền nhận nợ 294.000.000đ(Hai trăm chín mươi tư triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 12/02/2020 đến ngày 12/02/2021;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

- + Các kỳ hạn trả nợ:
- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/32/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 53.000.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 19.000.000đ.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/3/2020
- + Lãi suất cho vay: 14,4%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 6,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 12/3/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 5 số: THA/19092- 05 ngày 24/02/2020:
- + Số tiền nhận nợ 319.000.000đ(Ba trăm mười chín triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 24/02/2020 đến ngày 24/02/2021;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:
- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 24/3/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 27.000.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 22.000.000đ.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/3/2020
- + Lãi suất cho vay: 14,4%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 6,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/3/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 6 số: THA/19092- 06 ngày 16/4/2020:
- + Số tiền nhận nợ 373.000.000đ(Ba trăm bảy mươi ba triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/4/2021;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/5/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 31.000.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 32.000.000đ.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/5/2020
- + Lãi suất cho vay: 14%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 6,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/5/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 7 số: THA/19092- 07 ngày 15/5/2020:
  - + Số tiền nhận nợ 138.000.000đ(Một trăm ba mươi tám triệu đồng);
  - + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 15/5/2020 đến ngày 15/5/2021;
  - + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
  - + Các kỳ hạn trả nợ:
    - Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/6/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 11.500.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 22.000.000đ.
    - Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/6/2020
    - + Lãi suất cho vay: 16%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/6/2020.
    - + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
    - + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 8 số: THA/19092- 08 ngày 13/5/2020:
  - + Số tiền nhận nợ 211.500.000đ(Hai trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng);
  - + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 13/5/2020 đến ngày 13/5/2021;
  - + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
  - + Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/6/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 17.500.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 16.800.000đ.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/6/2020
- + Lãi suất cho vay: 16%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/6/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 9 số: THA/19092- 09 ngày 10/6/2020:
  - + Số tiền nhận nợ 180.000.000đ(Một trăm tám mươi triệu đồng);
  - + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 10/6/2020 đến ngày 10/6/2021;
  - + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
  - + Các kỳ hạn trả nợ:
    - Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/7/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 15.000.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 15.000.000đ.
    - Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2020
    - + Lãi suất cho vay: 16%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/7/2020.
    - + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
    - + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 10 số: THA/19092- 10 ngày 15/6/2020:
  - + Số tiền nhận nợ 174.700.000đ(Một trăm bảy tư triệu bảy trăm nghìn đồng);
  - + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/6/2021;
  - + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
  - + Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/7/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 14.600.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 14.100.000đ.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2020
- + Lãi suất cho vay: 16%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/7/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 11 số: THA/19092- 11 ngày 15/7/2020:
- + Số tiền nhận nợ 392.000.000đ(Ba trăm chín hai triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 15/7/2020 đến ngày 15/7/2021;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:
- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/8/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 32.700.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 32.300.000đ.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/8/2020
- + Lãi suất cho vay: 16%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/8/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 12 số: THA/19092- 12 ngày 15/8/2020:
- + Số tiền nhận nợ 414.000.000đ(Bốn trăm mười bốn triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 17/8/2020 đến ngày 17/8/2021;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/9/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 34.500.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 34.500.000đ.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/9/2020
- + Lãi suất cho vay: 16%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 17/9/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 13 số: THA/19092- 13 ngày 10/9/2020:
- + Số tiền nhận nợ 144.000.000đ(Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 10/9/2020 đến ngày 10/9/2021;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:
- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 12.000.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 12.000.000đ.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2020
- + Lãi suất cho vay: 15,8%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/10/2020.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 14 số: THA/19092- 14 ngày 14/9/2020:
- + Số tiền nhận nợ 153.000.000đ(Một trăm năm ba triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 14/9/2020 đến ngày 14/9/2021;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 12.800.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 12.200.000đ.

- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2020

+ Lãi suất cho vay: 15,8%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/10/2020.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.

\* Khế ước nhận nợ lần 15 số: THA/19092- 15 ngày 16/9/2020:

+ Số tiền nhận nợ 155.700.000đ(Một trăm năm lăm triệu bảy trăm nghìn đồng);

+ Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 16/9/2020 đến ngày 16/9/2021;

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2020, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là: 13.000.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 12.700.000đ.

- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2020

+ Lãi suất cho vay: 15,8%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8,3%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/10/2020.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.

2. Nội dung Hợp đồng cho vay hạn mức số THA/19094 ngày 18/11/2019 chi tiết cụ thể như sau:

\* Khế ước nhận nợ lần 1 số: THA/19094- 01 ngày 18/11/2019:

+ Số tiền nhận nợ 2.800.000.000đ(Hai tỉ tám trăm triệu đồng);

+ Thời hạn vay: 05 tháng từ ngày 18/11/2019 đến ngày 18/4/2020;

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

- + Các kỳ hạn trả nợ:
- Nợ gốc: Bên vay phải trả một lần khi kết thúc kỳ hạn vay.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2019
- + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 18/12/2019.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 02 số: THA/19094- 02 ngày 20/11/2019:
- + Số tiền nhận nợ 2.000.000.000đ(Hai tỉ đồng);
- + Thời hạn vay: 05 tháng từ ngày 20/11/2019 đến ngày 20/4/2020;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:
- Nợ gốc: Bên vay phải trả một lần khi kết thúc kỳ hạn vay.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2019
- + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/12/2019.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- + Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.
- \* Khế ước nhận nợ lần 3 số: THA/19094- 03 ngày 22/11/2019:
- + Số tiền nhận nợ 1.900.000.000đ(Một tỉ chín trăm triệu đồng);
- + Thời hạn vay: 05 tháng từ ngày 18/11/2019 đến ngày 18/4/2020;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Các kỳ hạn trả nợ:
- Nợ gốc: Bên vay phải trả một lần khi kết thúc kỳ hạn vay.
- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2019

+ Lãi suất cho vay: 9,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 18/12/2019.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.

\* Khế ước nhận nợ lần 4 số: THA/19094- 04 ngày 26/8/2020:

+ Số tiền nhận nợ 445.396.000đ(Bốn trăm bốn trăm triệu ba trăm chín sáu nghìn đồng);

+ Thời hạn vay: 05 tháng từ ngày 26/8/2020 đến ngày 26/01/2021;

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Bên vay phải trả một lần khi kết thúc kỳ hạn vay.

- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/9/2020

+ Lãi suất cho vay: 8,7%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/9/2020.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.

\* Khế ước nhận nợ lần 5 số: THA/19094- 05 ngày 04/9/2020:

+ Số tiền nhận nợ 480.407.900đ(Bốn trăm tám mươi triệu bốn trăm linh bảy nghìn chín trăm đồng);

+ Thời hạn vay: 05 tháng từ ngày 04/9/2020 đến ngày 04/02/2021;

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Bên vay phải trả một lần khi kết thúc kỳ hạn vay.

- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2020

+ Lãi suất cho vay: 8,7%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội

sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/10/2020.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.

\* Khế ước nhận nợ lần 6 số: THA/19094- 06 ngày 11/9/2020:

+ Số tiền nhận nợ 528.655.500đ(Năm trăm hai tám triệu sáu trăm năm trăm nghìn năm trăm đồng);

+ Thời hạn vay: 05 tháng từ ngày 11/9/2020 đến ngày 11/02/2021;

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Các kỳ hạn trả nợ:

- Nợ gốc: Bên vay phải trả một lần khi kết thúc kỳ hạn vay.

- Nợ lãi: Trả nợ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2020

+ Lãi suất cho vay: 8,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01tháng/ 01lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/10/2020.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng trên gồm:

- Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 11646 quyền số 04/2019TP/CC/HĐGD ngày 19/11/2019 giữa VPBank với ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 25, diện tích 167m<sup>2</sup>(đất ở 80m<sup>2</sup>, đất LKN 87m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 113494, số vào sổ GCN: CH01716 do UBND huyện T cấp ngày 17/12/2012 mang tên ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T;

- Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 11645 quyền số 04/2019TP/CC/HĐGD ngày 19/11/2019 giữa VPBank với ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25, diện tích 1509,1m<sup>2</sup>(đất 50 năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 912953, số vào sổ GCN: CH 04142 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2017 mang tên ông Lê Duy Bình;

- Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 11644 quyền số 04/2019TP/CC/HĐGD ngày 19/11/2019 giữa VPBank với ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2088, tờ bản đồ số 25, diện tích 973,8m<sup>2</sup>(đất ở tại đô thị 200m<sup>2</sup>, đất LKN 773,8m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE912952, sổ vào sổ GCN: CH04141 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2017 mang tên ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T;

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số THA/19092/HĐBL ngày 15/11/2019 của ông Lê Duy B theo đó ông Lê Duy B dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty BT trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty BT với VPBank.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty BT đã nhận đủ số tiền vay theo các khế ước nhận nợ. Đến hạn trả nợ Công ty BT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank, toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/10/2020 cụ thể:

- Tính đến ngày 04/6/2021 Công ty BT đã trả cho VPBank số tiền là: Gốc = 9,092,636,642đ; Lãi = 690,220,425đ; Tổng cả gốc và lãi = 9.782.857.067đ.

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi phạt chậm trả.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu:

1. Buộc Công ty TNHH BT phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tính đến ngày xét xử 22/8/2022 gồm:

+ Nợ gốc: 5.531.722.758đ

+ Nợ lãi trong hạn: 229.960.980đ

+ Lãi quá hạn: 1.749.081.389đ

Tổng cộng = 7.510.765.127đ

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa T trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày công ty BT thanh toán hết nợ cho VPBank.

3. Trường hợp công ty BT và ông Lê Duy B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo gồm:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 25, diện tích 167m<sup>2</sup>(đất ở 80m<sup>2</sup>, đất LKN 87m<sup>2</sup>)

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 113494, số vào sổ GCN: CH01716 do UBND huyện T cấp ngày 17/12/2012 mang tên ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T;

+ Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25, diện tích 1509,1m<sup>2</sup>(đất 50 năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 912953, số vào sổ GCN: CH 04142 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2017 mang tên ông Lê Duy B ;

+ Tài sản 3: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2088, tờ bản đồ số 25, diện tích 973,8m<sup>2</sup>(đất ở tại đô thị 200m<sup>2</sup>, đất LKN 773,8m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE912952, số vào sổ GCN: CH04141 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2017 mang tên ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T

4. Trong trường hợp Công ty TNHH BT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng thì Ngân hàng VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu khác của Công ty TNHH BT và ông Lê Duy B để thu hồi khoản nợ của Công ty BT tại VPBank theo Hợp đồng bảo lãnh số THA/19092/HĐBL ngày 15/11/2019 của ông Lê Duy Bình.

Bị đơn là Công ty TNHH BT, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Duy B vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ Nguyên đơn cung cấp theo Hợp đồng tín dụng là khu 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh T. Tại Biên bản xác minh ngày 14/10/2021 Công an thị trấn L, huyện T xác nhận: Hiện tại anh Lê Duy B và chị Nguyễn Thị T có Hộ khẩu thường trú tại khu 1 thị trấn L, huyện T, tỉnh T nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương. Khi bỏ đi không báo cáo và không xin tạm vắng, tạm trú. Không tìm được địa chỉ mới của Bị đơn. Hiện tại Trụ sở Công ty không hoạt động.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ Nguyên đơn cung cấp theo Hợp đồng tín dụng là số 2B/158/2 H , quận T , Thành Phố H . Tại Biên bản xác minh ngày 01/7/2022 Công an phường K quận T , Thành Phố H xác nhận: Tại địa chỉ: số 2B/158/2 H quận T , Thành Phố H không có công dân nào tên Đỗ thị N , sinh năm 1980 sinh sống hay làm việc tại địa chỉ trên.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia

tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP V : Buộc Công ty BT phải trả nợ cho Ngân hàng gồm: Nợ gốc: 5.531.722.758đ; Nợ lãi trong hạn: 229.960.980đ; Lãi quá hạn: 1.749.081.389đ; Tổng cộng = 7.510.765.127đ

Nếu Công ty BT không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản của các hợp đồng thế chấp bảo đảm để thu hồi nợ.

Buộc Bị đơn phải chịu án phí KDTMST và chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ. Trả lại cho Nguyên đơn số tiền 57.258.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và bên vay là Công ty TNHH BT, hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc lĩnh vực ngân hàng. Do đó khi phát sinh tranh chấp Tòa án nhân dân huyện T giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 30; Điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[ 2 ] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty TNHH BT là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Thực chất của Hợp đồng này là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi suất quy định tại các điều 463; 464; 465; 466 Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty BT phải trả nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ thì thấy rằng: Qua xem xét các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng và Công ty TNHH BT thì nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các bên được nhà nước cấp phép. Sau khi ký kết Hợp đồng bên vay đã nhận đủ tiền theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã trả được một phần số tiền gốc và số tiền lãi. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, theo thời hạn cam kết trong hợp đồng tín dụng phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả. HĐXX xét thấy việc rút một

phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với khoản tiền phạt chậm trả là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả nợ tính đến ngày xét xử 22/8/2022 gồm:

+ Nợ gốc: 5.531.722.758đ

+ Nợ lãi trong hạn: 229.960.980đ

+ Lãi quá hạn: 1.749.081.389đ

Tổng cộng = 7.510.765.127đ

HĐXX xét thấy: Tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa T cụ thể với nhau về việc trả gốc, lãi tiền vay, phí, nợ quá hạn, lãi suất phạt quá hạn. Đồng thời, các bên cũng thỏa T về cách tính lãi suất, thời gian điều chỉnh lãi suất và các chương trình ưu đãi lãi suất...theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH BT đã thanh toán cho Ngân hàng một phần tiền gốc và lãi đến ngày 04/6/2021. Như vậy việc yêu cầu về tiền gốc, lãi suất của phía nguyên đơn dựa trên sự thỏa T của các bên khi ký kết hợp đồng tín dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy HĐXX căn cứ vào các điều 463; 464; 465; 466; 468 và 357 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Vì vậy buộc Bị đơn phải trả nợ cho Nguyên đơn gồm: Nợ gốc: 5.531.722.758đ; Lãi trong hạn: 229.960.980đ; Lãi quá hạn: 1.749.081.389đ; Tổng cộng = 7.510.765.127đ

Xét yêu cầu của Nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp thì HĐXX thấy rằng:

Theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 25, diện tích 167m<sup>2</sup>(đất ở 80m<sup>2</sup>, đất LKN 87m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 113494, số vào sổ GCN: CH01716 do UBND huyện T cấp ngày 17/12/2012 mang tên ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T;

+ Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25, diện tích 1509,1m<sup>2</sup>(đất 50 năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 912953, số vào sổ GCN: CH 04142 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2017 mang tên ông Lê Duy Bình;

+ Tài sản 3: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2088, tờ bản đồ số 25, diện tích 973,8m<sup>2</sup>(đất ở tại đô thị 200m<sup>2</sup>, đất LKN 773,8m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE912952, sổ vào sổ GCN: CH04141 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2017 mang tên ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T

Để đảm bảo cho khoản tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng thì ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T đều đã ký kết vào các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH BT. Tại thời điểm thế chấp ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thế chấp được công chứng tại các Văn phòng công chứng chứng nhận, tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa T trong hợp đồng phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội. HĐXX căn cứ vào các điều 292; 299; 317; 318; 319; 320 BLDS chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp. Do đó nếu Công ty BT không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được các khoản nợ cho Ngân hàng, thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty TNHH BT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng thì Ngân hàng VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu khác của Công ty TNHH BT và ông Lê Duy B để thu hồi khoản nợ của Công ty BT tại VPBank theo Hợp đồng bảo lãnh số THA/19092/HĐBL ngày 15/11/2019 của ông Lê Duy Bình.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả nợ theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ thì HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 157 và khoản 1 điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự buộc Bị đơn phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên buộc Bị đơn phải trả lại cho Nguyên đơn.

[ 4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 điều 30; Điểm b khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463; 464; 465; 466; 468; 357; Khoản 2 Điều 292; Khoản 1 điều 293; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; 355 BLDS và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

1. Đình chỉ yêu cầu về phần lãi phạt chậm trả của Nguyên đơn.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Buộc Công ty TNHH Thương mại BT trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng gồm: Nợ gốc: 5.531.722.758đ(Năm tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm tám đồng); Lãi trong hạn: 229.960.980đ(Hai trăm hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn chín trăm tám mươi đồng); Lãi quá hạn: 1.749.081.389đ(Một tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu không trăm tám mươi một nghìn ba trăm tám chín đồng); Tổng cộng = 7.510.765.127đ (Bảy tỷ năm trăm mười triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm hai bảy đồng)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Thương mại BT không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH Thương mại BT còn phải trả số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa T trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại BT không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện T kê biên, phát mại các tài sản thế chấp sau để đảm bảo việc thi hành án:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 25, diện tích 167m<sup>2</sup>(đất ở 80m<sup>2</sup>, đất LKN 87m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 113494, số vào sổ GCN: CH01716 do UBND huyện T cấp ngày 17/12/2012 mang tên ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T;

+ Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25, diện tích 1509,1m<sup>2</sup>(đất 50 năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 912953, số vào sổ GCN: CH 04142 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2017 mang tên ông Lê Duy Bình;

+ Tài sản 3: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2088, tờ bản đồ số 25, diện tích 973,8m<sup>2</sup>(đất ở tại đô thị 200m<sup>2</sup>, đất LKN 773,8m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE912952, sổ vào sổ GCN: CH04141 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2017 mang tên ông Lê Duy B và bà Nguyễn Thị T

Trong trường hợp Công ty TNHH BT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng thì Ngân hàng VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu khác của Công ty TNHH BT và ông Lê Duy B để thu hồi khoản nợ của Công ty BT tại VPBank theo Hợp đồng bảo lãnh số THA/19092/HĐBL ngày 15/11/2019 của ông Lê Duy B.

4. Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 điều 147; Khoản 1 điều 157 và khoản 1 điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Buộc Công ty TNHH thương mại BT phải chịu án phí KDTMST là 115.510.765đ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 57.258.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/00140011 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Buộc Công ty TNHH thương mại BT phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã nộp số tiền 6.000.000đ tạm ứng chi phí tố tụng nên Công ty TNHH thương mại BT phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 6.000.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 271; 273 và 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND huyện T
- Các DS
- Phòng GDKTNV TAND tỉnh T
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**